

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Sinh

Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Dũng

Ông Đặng Công Thắng

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2019 với bị cáo:

NGUYỄN THỊ THÙY L (Tên gọi khác: Bé T, Diễm M, Diễm H); sinh năm 1990 tại tỉnh Long An; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H và bà Lê Thị M; bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh ngày 02/7/2019; tiền án, tiền sự: chưa; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Lê Thị Hồng Th, Luật sư – Văn phòng Luật sư Lê Thị Hồng Th thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, bào chữa theo yêu cầu của Tòa án; có mặt.

- Bị hại: Ngân hàng X Việt Nam. Địa chỉ: Số 108 đường Đ, quận K, TP. Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Trần Thị Tr, sinh năm 1964, nơi cư trú: Số 77 đường K, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng X Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng. (Theo Văn bản ủy quyền số 690/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày

28/07/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng X Việt Nam); có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T', sinh năm 1962, nơi cư trú: Số 694 đường Đ, phường Hòa N, quận L, thành phố Đà Nẵng. Chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng X Việt Nam – Chi nhánh Bắc Đà Nẵng. (Theo Văn bản ủy quyền số 225/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 13/03/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng X Việt Nam); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lê Thị N; sinh năm 1977; chỗ ở: Kiệt 183 đường T, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh N; sinh năm 1992; trú tại: K35/77 đường H, quận S, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3. Bà Lê Thị T", sinh năm 1964; trú tại: 568/2 đường V, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

4. Ông Lê A, sinh năm 1980; trú tại: Số 11 đường M, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

5. Bà Phan Lữ Tuyệt H, sinh năm 1990; trú tại: K292/38 đường V, tổ 116, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

6. Bà Đỗ Thị Huyền Tr, sinh năm 1986; trú tại: Tổ 78, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

7. Ông Quách Văn M, sinh năm 1996; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã M, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú tại: Tổ 63, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

8. Bà Bùi Thị S, sinh năm 1973; trú tại: Thôn C, xã M, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

9. Ông Nguyễn H, sinh năm 1963; bà Lê Thị M, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2000. Cùng cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Long An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 2/2018, Nguyễn Thị Thùy L đến nhà bà N xin ở nhờ và phụ làm bánh tráng cho gia đình bà N. Sáng ngày 04/9/2018, L nhìn thấy sổ tiết kiệm số CA 03344134 có số tiền gửi là 684.000.000 đồng mang tên bà N mở tại Ngân hàng X Chi nhánh Đà Nẵng và chứng minh nhân dân của bà N để trong thùng giấy trên kệ bánh tráng nên L đã trộm cắp hai giấy tờ nêu trên. Đến trưa cùng ngày, bà N phát hiện bị mất 02 giấy tờ nêu trên nên nói L chở bà đến ngân hàng báo mất sổ tiết kiệm, do hết thời giờ làm việc nên ngân hàng hẹn bà N đến chiều sẽ làm lại sổ mới. Khi đến giờ hẹn bà N cùng chồng đến ngân hàng và được cấp sổ tiết kiệm mới số CA 03503256, về nhà bà N

vẫn để sổ tiết kiệm mới vào chỗ cũ. Hai ngày sau, lợi dụng lúc gia đình bà N không có người ở nhà, L đã mang sổ tiết kiệm cũ đến tráo lấy sổ tiết kiệm mới và để nguyên vị trí nên bà N không phát hiện sổ tiết kiệm đã bị tráo. Sau đó, L ra thuê nhà trọ để ở, đến ngày 17/9/2018, L mang sổ tiết kiệm và chứng minh nhân dân của bà N đến phòng giao dịch P của Ngân hàng X chi nhánh Đà Nẵng tại số 344 đường P, TP. Đà Nẵng yêu cầu rút số tiền 84.000.000 đồng. Khi chị Nguyễn Thị Quỳnh N là nhân viên ngân hàng yêu cầu xuất trình sổ tiết kiệm và chứng minh nhân dân để chị N kiểm tra thì thấy thông tin trùng khớp, nhưng chứng minh nhân dân bị quá hạn (CMND cấp ngày 23/3/2001 theo quy định là 15 năm) chị N có báo lại với L, L trả lời đang làm lại CMND ở quê và chưa gửi ra kịp mong ngân hàng L động giải quyết. Chị N báo với kiểm soát viên là chị Lê Thị T” về việc CMND của khách hàng quá hạn thì chị T” có trả lời khách hàng cần tiền gấp thì vẫn giải quyết cho khách hàng nhưng yêu cầu khách hàng phải làm lại CMND. Sau đó, chị N đưa giấy lĩnh tiền cho L ký nhưng so sánh không đúng chữ ký mẫu. Chị N nói không đúng mẫu chữ ký thì L nói đã thay đổi chữ ký. Chị N đưa giấy lần thứ hai, L vẫn ký sai nên chị N đã hướng dẫn L ký theo mẫu chữ ký khi gửi tiền và làm các thủ tục tiếp theo cho L rút số tiền 84.035.400 đồng (Trong đó tiền gốc: 84.000.000 đồng, tiền lãi 35.400 đồng).

Đến chiều ngày 25/9/2018 với thủ đoạn như trên và vẫn là chị N nhân viên ngân hàng đã làm thủ tục cho L, anh Lê A – Phó trưởng phòng giao dịch cũng không phát hiện nên đã duyệt cho L rút số tiền 50.022.200 đồng (Trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi 22.200 đồng).

Chiều ngày 08/10/2018, L đến phòng giao dịch K của Ngân hàng X chi nhánh Bắc Đà Nẵng tại số 201 đường P, TP. Đà Nẵng yêu cầu rút số tiền 350.000.000 đồng. Nhân viên ngân hàng chị Phan Lữ Tuyết H và kiểm soát viên Đỗ Thị Huyền Tr cũng không phát hiện ra ảnh trên CMND không phải là chị N, đồng thời nhận diện chữ ký giống với chữ ký mẫu nên đã làm thủ tục cho L rút số tiền 350.167.800 đồng (trong đó 350.000.000 đồng tiền gốc và 167.800 đồng tiền lãi) và có nhắc nhở L phải đổi chứng minh mới. Đồng thời, số tiền còn lại 200.000.000 đồng do sổ cũ hết chỗ nên nhân viên ngân hàng đã làm sổ mới cho L.

Đến ngày 11/10/2018, L đến phòng giao dịch K của Ngân hàng X chi nhánh Bắc Đà Nẵng rút hết số tiền 200.000.000 đồng còn lại, nhân viên ngân hàng chị Phan Lữ Tuyết H vẫn không phát hiện ra L giả danh chị N nên đã tắt toán sổ tiền tiết kiệm với số tiền 200.097.500 đồng (Trong đó tiền gốc: 200.000.000 đồng; tiền lãi 97.500 đồng).

Qua đấu tranh Nguyễn Thị Thùy L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Số tiền 684.322.900 đồng chiếm đoạt được, L đã sử dụng như sau:

- L đưa anh Quách Văn M (là người sống như vợ chồng với L có tổ chức lễ cưới tại Thanh Hóa không đăng ký kết hôn) 50.000.000 đồng và bà Bùi Thị S mẹ anh M 20.000.000 đồng để lo tổ chức đám cưới.

- L dùng 15.200.000 đồng mua xe mô tô BKS 43X2 – 4662 do bà Trịnh Thị H’ đứng tên đăng ký sở hữu tại cửa hàng xe máy H”.

- Mua điện thoại di động hiệu Iphone trị giá 7.500.000 đồng.

- Đưa cho cha mẹ L là ông Nguyễn H và bà Lê Thị M tổng công số tiền là 26.000.000 đồng để chữa bệnh và chi tiêu.

- Cho em gái Nguyễn Thị N số tiền 2.000.000 đồng. .

- L mua vàng và nữ Tr cho L và anh M để tổ chức đám cưới hết 46.840.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đề nghị và Công ty vàng bạc đá quý SJC Chi nhánh Miền Trung xác định số vàng trên tổng trị giá 35.314.000 đồng.

- Tiền mặt L còn đang giữ 361.500.000 đồng.

**Truy tố:* Cáo trạng số 24/CT-VKS-P1 ngày 20/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

**Tại phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy L từ 08 đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho ngân hàng.

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục quy trữ toàn bộ số tiền và tài sản đã thu giữ để đảm bảo thi hành án.

**Bị cáo trình bày:*

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy L khai nhận: Vào năm 2018, khi ở nhờ nhà bà Lê Thị N, trong lúc dọn dẹp nhà, bị cáo phát hiện sổ tiết kiệm và chứng M nhân dân của bà N để trong thùng giấy, bị cáo đã lấy cất giấu. Sau đó bị cáo đến ngân hàng khai giả là Lê Thị N, giả chữ ký, chữ viết Lê Thị N và nói dối với các nhân viên ngân hàng để rút hết số tiền gốc trong sổ tiết kiệm là 684.000.000 đồng và số tiền lãi kèm theo là 322.900 đồng. Bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, ăn năn hối cải, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện cải tạo tốt sớm được đoàn tụ với gia đình.

**Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị:*

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo, thống nhất cùng quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp lại số tiền đã chiếm đoạt, đề nghị xem xét đến nguyên nhân phạm tội cũng như hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn vừa mới sinh con nhỏ.

Cuối cùng luật sư đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất có thể để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, giúp đỡ bị cáo sớm trở về với gia đình, chăm lo con cái.

Đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị hại, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, ý kiến của người bào chữa, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Lợi dụng sự sơ hở của bà Lê Thị N, bị cáo Nguyễn Thị Thùy L đã lấy sổ tiết kiệm và chứng minh nhân dân của bà N, từ ngày 17/9/2018 đến ngày 11/10/2018 bị cáo đã mang sổ tiết kiệm và chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị N đến các phòng giao dịch Ngân hàng X tại Đà Nẵng giả mạo bà Lê Thị N, giả chữ ký chữ viết Lê Thị N để làm cho nhân viên ngân hàng tin tưởng bị cáo đúng là chủ sở hữu sổ tiết kiệm tên Lê Thị N mà giao tài sản để bị cáo chiếm đoạt số tiền 684.322.900 đồng, trong đó chiếm đoạt tại Ngân hàng X chi nhánh Đà Nẵng số tiền 134.057.600 đồng, chiếm đoạt tại Ngân hàng X chi nhánh Bắc Đà Nẵng số tiền 550.265.300 đồng.

Với hành vi chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối, Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo Nguyễn Thị Thùy L đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 684.322.900 đồng. Do vậy cần phải áp dụng tình tiết phạm tội thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất, mức độ phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy:

- Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm khắc để giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện 04 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy cần áp dụng tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tố tụng bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp lại hơn một nửa số tiền đã chiếm đoạt; khi phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai; bản thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi 02 con nhỏ, trong đó có 01 con mới hơn 03 tháng tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được HĐXX vận dụng để xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như theo đề nghị của luật sư.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 684.322.900 đồng. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền trên.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ một số vật chứng. Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

Tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án:

- Số tiền 361.500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị Thùy L

- 09 món Tr sức thu giữ của Nguyễn Thị Thùy L, gồm:

- + 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có xen kẽ đoạn kim loại màu trắng, kèm 01 mặt dây chuyền rời có hình con bọ cạp màu vàng;
 - + 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt dây chuyền dính liền với dây hình 04 đóa hoa bằng kim loại màu vàng, có đính hạt màu trắng và màu xanh;
 - + 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng;
 - + 01 bộ vòng đeo tay gồm 07 chiếc bằng kim loại màu vàng;
 - + 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính hạt chủ màu trắng;
 - + 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, đính hạt nhỏ màu trắng;
 - + 02 chiếc hoa tai hình đóa hoa bằng kim loại màu vàng, đính hạt màu trắng.
 - 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng, Imel: 355735072019567 thu giữ của Nguyễn Thị Thùy L;
 - 01 xe mô Honda màu đỏ đen, BKS 43X2-4662, số máy 566878; số khung 5066965 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô số 008100 và 01 bảo hiểm xe mô tô BKS 43X2-4662 đứng tên Trịnh Thị H', thu giữ của Nguyễn Thị Thùy L;
 - Số tiền 70.000.000 đồng do Quách Văn M giao nộp;
 - Số tiền 2.000.000 đồng do Nguyễn Thị N em ruột L giao nộp;
- [6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 31.372.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

II. Về điều khoản áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị Thùy L 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

III. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy L phải bồi thường cho Ngân hàng X Việt Nam số tiền 684.322.900 đồng.

IV. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án:

- Số tiền 361.500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị Thùy L
 - 09 món Tr sức thu giữ của Nguyễn Thị Thùy L, gồm:
 - + 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có xen kẽ đoạn kim loại màu trắng, kèm 01 mặt dây chuyền rời có hình con bọ cạp màu vàng;
 - + 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt dây chuyền dính liền với dây hình 04 đóa hoa bằng kim loại màu vàng, có đính hạt màu trắng và màu xanh;
 - + 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng;
 - + 01 bộ vòng đeo tay gồm 07 chiếc bằng kim loại màu vàng;
 - + 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính hạt chủ màu trắng;
 - + 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, đính hạt nhỏ màu trắng;
 - + 02 chiếc hoa tai hình đóa hoa bằng kim loại màu vàng, đính hạt màu trắng.
 - 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu hồng, Imel: 355735072019567 thu giữ của Nguyễn Thị Thùy L;
 - 01 xe mô Honda màu đỏ đen, BKS 43X2-4662, số máy 566878; số khung 5066965 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô số 008100 và 01 bảo hiểm xe mô tô BKS 43X2-4662 đứng tên Trịnh Thị H', thu giữ của Nguyễn Thị Thùy L;
 - Số tiền 70.000.000 đồng do Quách Văn M giao nộp;
 - Số tiền 2.000.000 đồng do Nguyễn Thị N em ruột L giao nộp;
- (Vật chứng hiện do Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKS-P3 ngày 20/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng)

V. Về án phí và quyền kháng cáo:

1. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 31.372.000 (Ba mươi một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm

2. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Phòng PC 45- CATPĐN;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Tự Sinh